Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: □*)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Xây dựng đường bộ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Quang Tuấn

2. Ngày tháng năm sinh: 14/12/1983; Nam ☑; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Số 14/96/71, tổ 8, phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 8B, ngõ 121, phố Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0915245145;
E-mail: quangtuan.nguyen@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 11/2007 đến 12/2011: Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Quốc gia các công trình công cộng nhà nước, Cộng hòa Pháp

Từ 01/2012 đến 10/2013: Nghiên cứu sau tiến sĩ, Trường Đại học Quốc gia các công trình công cộng nhà nước, Cộng hòa Pháp

Từ năm 12/2013 đến 09/2014: Trợ giảng, Bộ môn Đường bộ, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

Từ 10/2014 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Đường bộ, Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

Từ 08/2020 đến nay: Phó trưởng Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giao thông vận tải

Địa chỉ cơ quan: Số 3 phố Cầu Giấy, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437664531

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 06 năm 2006; số văn bằng: C629055; ngành: Xây dựng cầu đường. Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 07 tháng 04 năm 2008, số văn bằng: ENTPEVV 429417; ngành: Kỹ thuật xây dựng. Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Quốc gia các công trình công cộng nhà nước, Cộng hòa Pháp

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 10 năm 2014, số văn bằng: ENTPEVV 6323896; ngành: Kĩ thuật xây dựng. Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Quốc gia các công trình công cộng nhà nước, Cộng hòa Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày … tháng …. năm …,ngành: …..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

– Tính chất của vật liệu bê tông nhựa sử dụng trong xây dựng công trình giao thông

– Ứng xử, đặc tính khai thác của kết cấu mặt đường mềm và các kết cấu sử dụng vật liệu bê tông nhựa

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 (không) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước (Nafosted)
- Đã công bố 53 bài báo KH, trong đó 12 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (SCI và SCIE);
- Đã được cấp 0 (không) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: tham gia viết 01 sách giáo trình, tham gia biên soạn 01 chương sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0 (không)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giải thưởng bài báo xuất sắc nhất của hội thảo Multi-Scale Modeling and Characterization of Infrastructure Materials, Stockholm, Thụy Điển, 2013
- Giải thưởng bài báo tiêu biểu năm 2016 của tạp chí Materials and Structures (SCIE, IF (2020) = 3.428, Q1)
- Thành viên Hội đồng biên tập tạp chí Road Materials and Pavement Design (SCIE, IF(2020) = 3.792, Q1) từ năm 2016
- Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019 do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từ năm học 2017-2018 đến năm học 2018-2019
- Giấy khen của Hiệu Trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về thành tích cao trong hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2015-2018
- Giấy khen của Hiệu Trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về thành tích xuất sắc trong việc công bố các bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus giai đoạn 2015-2018
- Giấy khen của Hiệu Trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về thành tích cao trong hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2018-2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có tư tưởng và đạo đức tốt, có sức khỏe đảm bảo yêu cầu công việc
- Đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, có bằng đại học, thạc sỹ và tiến sĩ phù hợp với ngành giảng dạy
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, hướng dẫn và đánh giá luận văn thạc sỹ, tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo…
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế, nội quy, quy định của Nhà trường, tuân thủ luật pháp của nhà nước

- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 6 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				11	230	124	354/615.35/270
2	2016-2017			04	12	231	192	423/871.15/270
3	2017-2018			05	15	129	62	191/960.37/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019				11	178	124	302/612.55/270
5	2019-2020			04	15	271	62	333/1016.52/270
6	2020-2021				09	206	62	268/479.93/203

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT *ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☑; tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2008

- Bảo vệ luận án TS ☑; tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☑

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thanh Tùng		X	X		2016-2017	Trường ĐH GTVT	29/11/2017
2	Cao Đức Anh		X	X		2016-2017	Trường ĐH GTVT	26/01/2018
3	Hoàng Đức Mạnh		X	X		2017-2018	Trường ĐH GTVT	18/01/2019
4	Nguyễn Mạnh Cường		X	X		2018-2019	Trường ĐH GTVT	17/06/2019
5	Phạm Việt Anh		X	X		2018-2019	Trường ĐH GTVT	17/06/2019
6	Nguyễn Quang Thái		X	X		2018-2019	Trường ĐH GTVT	17/06/2019
7	Nguyễn Việt Hưng		X	X		2019-2020	Trường ĐH GTVT	28/10/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Chapter 3 "Three-Dimensional Characterisation of Linear Viscoelastic Properties of Bituminous Mixtures" in In Book: Testing and Characterization of Sustainable Innovative	TK	Springer, ISBN 978-3-319-71022-8, năm 2018	13	Manfred N. Partl, Laurent Porot, Hervé Di Benedetto, Francesco Canestrari, Paul Marsac, Gabriele	92-97	Văn bản xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải ngày 23 tháng 6 năm 2021.

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	Bituminous Materials and Systems. RILEM State-of-the-Art Reports, Vol 24				Tebaldi		
2	Xây dựng nền đường ô tô	GT	Nhà xuất bản Giao thông vận tải, năm 2020	5	PGS.TS. Lã Văn Chăm	Chương 7,8 (từ trang 157 đến trang 218)	Biên bản nghiệm thu giáo trình ngày 11/12/2019

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 (không)

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	ĐT: Ứng xử cơ học của bê tông nhựa trong miền biến dạng nhỏ dưới tác dụng của tải trọng trùng phục	CN	107.02-2014.22, Nafosted (cấp Nhà nước)	03/2015 - 04/2018	04/08/2018 Đạt
2	ĐT: Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của tỉ lệ trộn phụ gia SBS đến một số đặc tính cơ lý của nhựa đường 60/70	CN	T2019-CT-035, cấp cơ sở (Trường ĐH GTVT)	01/2019 - 12/2019	11/12/2019 Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Nonlinearity, Heating, Fatigue and Thixotropy during Cyclic Loading of Asphalt Mixtures	3		Road Materials and Pavement Design/ISSN 1468-0629	SCIE, IF(2020) = 3.792, Q1	121	Vol.12 (Issue 1), 129-158	09/2011
2	3D Viscoelastic Linear and Nonlinear Behavior of Asphalt Mixtures	3	X	5th International Conference Bituminous Mixtures and Pavements, Thessaloniki, Greece/ISBN 978-960-99922-0-6		5	471-480	06/2011
3	Mechanical behaviour of road materials	2		XXIV Italian Conference on Geosynthetics, Bologna, Italy/ISBN 978-88-555-3201-3			19-27	10/2011
4	General overview of the time-temperature superposition principle validity for materials containing bituminous binder	9		International Journal of Roads and Airports/ ISSN 2036-2595		27	Vol.1, No.1, 35-52	03/2011
5	Determination of Thermal Properties of Asphalt Mixtures as Another Output from Cyclic Tension-Compression Test	3	X	Road Materials and Pavement Design/ISSN 1468-0629	SCIE, IF(2020) = 3.792, Q1	56	Vol.13 (Issue 1), pp 85-103	03/2012
6	Fatigue Cracking in Bituminous Mixture using Four Points Bending Test	3	X	7th RILEM International Conference on Cracking in Pavements, Delft, The Netherlands/ISBN 978-94-007-4565-0	RILEM Bookseries indexed in Scopus/ ISSN 2211-0844	4	665-674	03/2012
7	Behavior of Asphalt Mixture under Large Amplitude Cyclic Loading	3	X	2nd International Conference on Transportation Geotechnics, Hokkaido,		1	388-393	09/2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
				Japan/ISBN 978-0-415-62135-9				
8	Prediction of linear viscoelastic behaviour of asphalt mixes from binder properties and reversal	3	X	International RILEM Symposium on Multi-Scale Modeling and Characterization of Infrastructure Materials, Stockholm, Sweden/ISBN 978-94-007-6877-2	RILEM Bookseries indexed in Scopus/ ISSN 2211-0844	10	237-248	06/2013
9	Time Temperature Superposition Principle Validation for Bituminous Mixes in the Linear and Nonlinear Domains	4	X	Journal of Materials in Civil Engineering/ISSN 0899-1561	SCIE, IF(2019) = 2.720, Q1	55	1181-1188	09/2013
10	Linear Thermo-Viscoelastic Behaviour of Bituminous Mixtures used for Railway Trackbeds	6		Proceedings of the Second International Conference on Railway Technology: Research, Development and Maintenance, Civil-Comp Press/ISSN 1579-3433		3		04/2014
11	Linear Viscoelastic domain for Bituminous Mixtures	3	X	3rd International Conference on Geotechnical Engineering, GeoShanghai, Shanghai, China/ISBN 9780784413418		3	59-68	05/2014
12	Phân tích các thông số trong kết quả thí nghiệm uốn mỏi bốn điểm đối với vật liệu bê tông nhựa	3		Tạp chí Cầu đường Việt Nam/ISSN 1859-459X			17-20	09/2014
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Linear and nonlinear viscoelastic behaviour of bituminous	3	X	Materials and Structures/ISSN 1359-5997	SCIE, IF (2020) = 3.428, Q1	25	Vol 48, 2339–2351	07/2015

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	mixtures							
2	Effect of fatigue cyclic loading on linear viscoelastic properties of bituminous mixtures	3	X	Journal of Materials in Civil Engineering/ISSN 0899-1561	SCIE, IF(2019) = 2.720, Q1	10	Vol. 27, Issue 8	08/2015
3	Tính nhớt của bê tông nhựa trong tính toán kết cấu mặt đường	3	X	Tạp chí Cầu đường Việt Nam/ISSN 1859-459X			31-34	07/2015
4	Thí nghiệm nghiên cứu ảnh hưởng của tần số và nhiệt độ đến giá trị mô đun động của nhựa đường và bê tông nhựa	2	X	Tuyển tập công trình khoa học, Hội nghị khoa học Giảng viên trẻ Khoa Công Trình, ĐH GTVT/ISBN 978-604-76-0689-4			45-50	2015
5	Ứng xử cơ học của bê tông nhựa trong miền biến dạng nhỏ	3	X	Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật rắn biến dạng lần thứ XII, Đà Nẵng, Việt Nam/ISBN 978-604-913-458-6			1567-1573	08/2015
6	Nghiên cứu mô-đun phức động của nhựa đường 60/70 sử dụng tại Việt Nam bằng thí nghiệm trên máy DMA	3		Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			38-41	11/2015
7	Influence of transient effects for analysis of complex modulus tests on bituminous mixtures	4		Road Materials and Pavement Design/ISSN 1468-0629	SCIE, IF(2020) = 3.792, Q1	17	Vol 17, Issue 2, 271-289	2016
8	3Dim experimental investigation of linear viscoelastic properties of bituminous mixtures	10		Materials and Structures/ISSN 1359-5997	SCIE, IF (2020) = 3.428, Q1	31	Vol 49, Issue 11, 4813-4829	11/2016
9	Analyzing the results of complex modulus tests on bitumens	2		International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE			39-41	11/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	using dynamic shear rheometer			2016), Hanoi, Vietnam/ ISSN 2354-0818				
10	The relationship between the 3D linear viscoelastic behavior of binders and asphalt mixes: Experiment and modeling	3	X	International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE 2016), Hanoi, Vietnam/ ISSN 2354-0818			36-38	11/2016
11	3D complex modulus tests on bituminous mixture with sinusoidal loadings in tension and/or compression	5	X	Materials and Structures/ISSN 1359-5997	SCIE, IF (2020) = 3.428, Q1	4	Vol 50	2017
12	Mô phỏng mô đun cắt động của nhựa đường sử dụng mô hình 2S2P1D	4		Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			89-92	08/2017
13	Thực nghiệm đánh giá mô-đun đàn hồi động của vật liệu đất đắp nền đường trên cao tốc Nội Bài - Lào Cai	5	X	Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			98-101	12/2017
14	Nghiên cứu đề xuất phương pháp xác định mô-đun đàn hồi của lớp bê tông nhựa phụ thuộc nhiệt độ môi trường theo thời gian bằng thí nghiệm FWD	3		Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			61-64	12/2017
15	Sử dụng kết quả thí nghiệm đo mô đun động của bitum trong tính toán đàn nhớt kết cấu mặt đường	2		Tạp chí Cầu đường Việt Nam/ISSN 1859-459X			44-47	12/2017
16	Three-Dimensional Linear Viscoelastic Properties of Two Bituminous Mixtures Made with the Same	5	X	Journal of Materials in Civil Engineering/ISSN 0899-1561	SCIE, IF(2019) = 2.720, Q1	5	Vol 30, Issue 11	11/2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Binder							
17	Tính toán kết cấu áo đường mềm bằng phần mềm phần tử hữu hạn ABAQUS	2		Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			86-89	11/2018
18	Ứng xử chịu cắt của lớp phủ bê tông nhựa và vật liệu dính bám epoxy trên bản thép	4	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ISSN 1859-2724			Số 66, trang 12-18	10/2018
19	Effect of SBS on the mechanical properties of bitumen	3	X	International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE 2018), Hanoi, Vietnam/ ISSN 2354-0818			245-247	11/2018
20	Nonlinearity of bituminous materials for small amplitude cyclic loadings	6	X	Road Materials and Pavement Design/ISSN 1468-0629	SCIE, IF(2020) = 3.792, Q1	2	Vol 20, Issue 7, 1571-1585	2019
21	Đánh giá trạng thái biến dạng của kết cấu bản mặt cầu trực hướng có lớp phủ bê tông nhựa bằng thí nghiệm uốn 5 điểm	4	X	Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			58-61	05/2019
22	Nghiên cứu sử dụng công thức giải tích thay thế cho toán đồ Kogan trong tính toán kết cấu áo đường mềm theo 22TCN 211-06	2	X	Tạp chí Khoa học Công nghệ xây dựng/ISSN 2615-9058			Tập 13 (Số 3V), 22-30	07/2019
23	Thực nghiệm đánh giá mô đun cắt phức và các chỉ tiêu cơ lý cơ bản của nhựa đường với hàm lượng phụ gia SBS khác nhau	1	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ISSN 1859-2724			Tập 70, Số 2, 113-121	08/2019
24	Mô hình hóa ứng xử kết cấu bản mặt cầu	4		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ISSN			Tập 70, Số 1	06/2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	thép - bê tông nhựa chịu uốn 5 điểm			1859-2724			43-52	
25	Đo đạc và phân tích chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI của mặt đường bằng ứng dụng trên điện thoại thông minh	2		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ISSN 1859-2724			Tập 70, Số 4, 352-363	10/2019
26	Nghiên cứu phương pháp thiết kế kết cấu mặt đường áp dụng cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	4		Tạp chí Cầu đường Việt Nam/ISSN 1859-459X			27-30	11/2019
27	Experimental Measurement and Modeling of the Complex Poisson's Ratio of Bituminous Mixtures	2	X	CIGOS 2019, Innovation for Sustainable Infrastructure. ISBN 978-981-15-0801-1 Lecture Notes in Civil Engineering/ISSN 2366-2557	Indexed in Scopus		Vol 54, 465-470	11/2019
28	Anisotropic Behavior of Bituminous Mixtures in Road Pavement Structures	4	X	Journal of Testing and Evaluation/ISSN 0090-3973	SCI, Q3, IF(2020) = 1.264		Vol 48, Issue 1, 178-188	01/2020
29	Phân tích sự làm việc của lớp phủ mỏng Microsurfacing trong kết cấu mặt đường ô tô	3	X	Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			68-72	01+02/ 2020
30	Phân tích ảnh hưởng của hư hỏng dính bám đến ứng xử cơ học kết cấu mặt cầu thép - lớp phủ bê tông nhựa bằng mô hình uốn 5 điểm	4		Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			38-41	04/2020
31	Phân tích sự thay đổi các đặc tính cơ lý của bê tông nhựa trong giai đoạn đầu của thí nghiệm mỏi	1	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ISSN 1859-2724			Tập 71, Số 3, 285-294	04/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
32	Thí nghiệm mỏi kết hợp các chu kì đo mô đun động của nhựa đường sử dụng thiết bị cắt vòng khuyên	1	X	Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			57-60	07/2020
33	Thí nghiệm động xác định các đặc tính cơ học của nhựa đường 60/70, 35/50 và PMB3 sử dụng thiết bị DSR và Metravib DMA	2	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ISSN 1859-2724			Tập 71, Số 05, 583-594	06/2020
34	Complex modulus of asphalt mastic: experimental tests and comparison with viscoelastic properties of original bitumen	4		3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE 2020), Hanoi, Vietnam/ ISBN 978-604-76-2284-9			49-54	11/2020
35	Effect of time–temperature, strain level and cyclic loading on the complex Poisson's ratio of asphalt mixtures	5	X	Construction and Building Materials/ ISSN 0950-0618	SCIE, Q1, IF(2020) = 6.141		Volume 294, 2021,	05/2021
36	Experimental Investigation of Fatigue Behavior for Polymer Modified Asphalt and Epoxy Asphalt Mixtures	2	X	Proceedings of the 3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering. Lecture Notes in Civil Engineering/ISSN 2366-2557	Indexed in Scopus		Vol 145, 161-166	05/2021
37	Nghiên cứu thực nghiệm mô đun độ cứng của đất nền dưới tác dụng của tải trọng lặp	2		Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải/ISSN 1859-2724			Tập 72, Số 3, 384-394	04/2021
38	Mechanical properties of bituminous mixtures under	1	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering/ISSN 1859-			Vol 15 (Issue 2), 67–	04/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	sinusoidal cyclic loadings: Experiment and modelling			2996			76	
39	Xác định nhiệt độ hóa mềm của nhựa đường từ thí nghiệm cắt động lưu biến	3	X	Tạp chí Giao thông vận tải/ISSN 2354-0818			38-42	06/2021
40	Mechanical Properties of Bitumen and Asphalt mixture Modified with Polymer Additives	7	X	RILEM International Symposium on Bituminous Materials, Lyon, France/ISBN 978-3-030-46454-7	RILEM Bookseries indexed in Scopus/ ISSN 2211-0844		Vol 27	12/2020
41	Evaluation of Pavement Damage through the Analysis of Asphalt Layer Modulus and Strain Evolutions during an Accelerated Pavement Test	4		RILEM International Symposium on Bituminous Materials, Lyon, France/ISBN 978-3-030-46454-7	RILEM Bookseries indexed in Scopus/ ISSN 2211-0844		Vol 27	12/2020

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 7 bài (số thứ tự 1, 2, 11, 16, 20, 28 và 35)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông theo CDIO	Thư kí tiểu ban	Quyết định số 2115/QĐ-ĐHGTVT ngày 07 tháng 10 năm 2019	Trường ĐH GTVT		
2	Dự án hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo Pháp ngữ bậc Thạc sĩ chuyên ngành "Xây dựng - Cơ học - Vật liệu"	Thành viên	Quyết định số 1551/QĐ-ĐHGTVT ngày 07 tháng 8 năm 2018	Trường ĐH GTVT		
3	Xây dựng chương trình đào tạo theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Trưởng tiểu ban	Quyết định số 2038/QĐ-ĐHGTVT ngày 08 tháng 12 năm 2020	Trường ĐH GTVT		
4	Xây dựng chương trình đào tạo theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngành Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Thành viên	Quyết định số 2038/QĐ-ĐHGTVT ngày 08 tháng 12 năm 2020	Trường ĐH GTVT		
5	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng	Phó trưởng ban thường trực	Quyết định số 1124/QĐ-ĐHGTVT ngày 08	Trường ĐH GTVT		

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
	công trình giao thông theo tiêu chuẩn AUN		tháng 6 năm 2021			
6	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Kỹ thuật Cơ sở hạ tầng	Thành viên	Quyết định số 1221/QĐ-ĐHGTVT ngày 22 tháng 6 năm 2021	Trường ĐH GTVT		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Tuấn